

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định định mức thời gian hoạt động nghiên cứu khoa học
tại Trường Đại học Kinh tế - Luật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ quyết định số 26/2014/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Sau đại học và Quản lý khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này "Quy định định mức thời gian hoạt động nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Kinh tế - Luật".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, giảng viên Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P.SDH & QLKH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng

QUY ĐỊNH

Định mức thời gian hoạt động nghiên cứu khoa học

tại Trường Đại học Kinh tế - Luật

(Ban hành kèm theo Quyết định số 917 /QĐ-ĐHKTL-SDH&QLKH ngày 07 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích áp dụng

Văn bản này quy định cách tính thời gian quy đổi dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Quy định là tiêu chuẩn cụ thể cho việc đánh giá và khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý, tạo ra tri thức mới thúc đẩy sự phát triển của Trường Đại học Kinh tế - Luật theo định hướng đại học nghiên cứu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các giảng viên cơ hữu tại Trường Đại học Kinh tế - Luật bao gồm: trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư.

Điều 3. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nghiên cứu khoa học là hoạt động phát hiện, tìm hiểu các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo các giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. NCKH bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng;

2. Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc NCKH và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ, kinh nghiệm thực tiễn.

3. Định mức thời gian NCKH là tổng quỹ thời gian được phân bổ cho hoạt động NCKH theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Các hạng mục được tính vào hoạt động NCKH

1. Đề tài NCKH các cấp;

2. Sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo, sách hướng dẫn, tập bài giảng;
3. Bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế;
4. Bài tham luận tại hội thảo khoa học trong nước và quốc tế;
5. Báo cáo khoa học tại các seminar cấp bộ môn trở lên;
6. Hướng dẫn sinh viên NCKH;
7. Hoạt động chuyển giao công nghệ;
8. Các hạng mục khác được căn cứ theo đề xuất của các Khoa, Bộ môn trực thuộc và Phòng SĐH & QLKH tham mưu cho Ban Giám Hiệu xem xét hàng năm.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Định mức thời gian NCKH

1. Định mức thời gian NCKH của giảng viên

Số giờ giành cho NCKH của giảng viên theo chức danh được quy định như sau:

Stt	Chức danh	Định mức thời gian quy định dành cho NCKH (đơn vị tính: giờ)
1	Giảng viên cao cấp, giáo sư	700
2	Giảng viên chính, phó giáo sư	600
3	Giảng viên	500

(Theo Khoản 3, Điều 9 Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên, Ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Định mức thời gian NCKH của giảng viên làm công tác quản lý (cán bộ kiêm nhiệm)

2.1. Đối với giảng viên là thành viên Ban Giám hiệu, giảng viên làm công tác quản lý tại các phòng, ban, trung tâm, tổ chức đoàn thể thực hiện 50% định mức NCKH so với khoản I điều 5 của quy định này.

2.2. Giảng viên làm công tác quản lý tại các đơn vị chuyên môn định mức 80% nghĩa vụ NCKH so với khoản 1 điều 5 của quy định này.

3. Các định mức thời gian NCKH cho các trường hợp khác

3.1. Đối với giảng viên tập sự thực hiện 25% định mức NCKH so với khoản 1 điều 5 của quy định này.

3.2. Đối với nữ giảng viên có con nhỏ

- Nữ giảng viên có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi không phải thực hiện định mức NCKH theo quy định.

- Nữ giảng viên có con nhỏ từ 12 đến 36 tháng tuổi thực hiện 50% định mức NCKH so với khoản 1 điều 5 của quy định này.

3.3. Đối với giảng viên đang học sau đại học

- Nghiên cứu sinh, học viên cao học học tập ở nước ngoài không phải thực hiện định mức NCKH theo quy định.

- Nghiên cứu sinh, học viên cao học học tập ở trong nước thực hiện 50% định mức NCKH so với khoản 1 điều 5 của quy định này.

- Nghiên cứu sinh, học viên cao học trong thời gian quá hạn (căn cứ theo Quyết định cử đi học của Trường) thực hiện 100% định mức NCKH so với khoản 1 điều 5 của quy định này.

3.4. Đối với giảng viên Bộ môn ngoại ngữ thực hiện 50% định mức NCKH so với khoản 1 điều 5 của quy định này.

Điều 6. Nguyên tắc quy đổi các hạng mục nghiên cứu khoa học thành giờ

- Số giờ lao động trung bình của mỗi nhà khoa học để hoàn thành những hoạt động khoa học công nghệ.

- Mức độ phức tạp của từng loại hoạt động nghiên cứu khoa học.

Điều 7. Quy đổi các hoạt động khoa học công nghệ thành giờ nghiên cứu khoa học

Mức quy đổi các hoạt động khoa học công nghệ thành giờ nghiên cứu khoa học như sau:

Stt	Các hoạt động	Đơn vị tính	Giờ nghiên cứu quy đổi	Ghi chú
1	Thực hiện đề tài NCKH	Đề tài		
1.1	Cấp cơ sở		Chủ nhiệm: 500 Các thành viên: 350/ tổng số thành viên (không tính chủ nhiệm đề tài)	Đối với đề tài các cấp được xếp loại tốt trở lên được thưởng thêm 10% giờ quy
1.2	Cấp ĐHQG			

	Cấp ĐHQG loại C		Chủ nhiệm: 1.000 Các thành viên: 700/ tổng số thành viên (không tính chủ nhiệm đề tài)	đổi đối với chủ nhiệm đề tài.
	Cấp ĐHQG loại B		Chủ nhiệm: 1700 Các thành viên: 1700/ tổng số thành viên (không tính chủ nhiệm đề tài)	
	Cấp ĐHQG loại A		Chủ nhiệm: 3400 Các thành viên: 3400/ tổng số thành viên (không tính chủ nhiệm đề tài)	
1.3	Đề tài cấp tỉnh, thành phố		Chủ nhiệm: 1.500 Các thành viên: 1500/ tổng số thành viên (không tính chủ nhiệm đề tài)	
1.4	Đề tài cấp bộ và tương đương		Chủ nhiệm: 1700 Các thành viên: 1.700/ tổng số thành viên (không tính chủ nhiệm đề tài)	
1.5	Đề tài cấp nhà nước		Chủ nhiệm: 3.400 Các thành viên: 3.400/ tổng số thành viên (không tính chủ nhiệm đề tài)	
1.6	Thuyết minh tham gia tuyển chọn đề tài			
	Cấp cơ sở		Chủ nhiệm: 50 Các thành viên: 35/ tổng số thành viên (không tính chủ nhiệm đề tài)	
	Cấp ĐHQG loại C		Chủ nhiệm: 100 Các thành viên: 70/ tổng số thành viên (không tính chủ nhiệm đề tài)	

	Cấp tỉnh, thành phố và tương đương		Chủ nhiệm: 150 Các thành viên: 150/ tổng số thành viên (không tính chủ nhiệm đề tài)	
	Cấp ĐHQG loại B, cấp Bộ và tương đương		Chủ nhiệm: 200 Các thành viên: 200/ tổng số thành viên (không tính chủ nhiệm đề tài)	
	Cấp ĐHQG loại A, cấp nhà nước		Chủ nhiệm: 400 Các thành viên: 400/ tổng số thành viên (không tính chủ nhiệm đề tài)	
1.7	Đề tài loại khác			Ban giám hiệu xem xét từng trường hợp
1.8	Đối với các đề tài hoàn thành trễ hạn			
	Trễ hạn dưới 3 tháng		Được tính 90% tổng số giờ quy đổi	
	Trễ hạn từ trên 3 tháng		Được tính 75% tổng số giờ quy đổi	
1.9	Đối với các đề tài không hoàn thành		Bị trừ 25% so với điểm quy đổi.	Trong trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng xem xét
2	Sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo, sách hướng dẫn, tập bài giảng	Cuốn		
2.1.	Sách chuyên khảo quốc tế		Sẽ do Hội đồng xem xét căn cứ vào chất lượng giáo trình và uy tín nhà xuất bản	- Chỉ tính các tài liệu đã được hội đồng thông qua.
2.2.	Sách chuyên khảo trong		Chủ biên: 1000	- Đối với các

	nước		Các thành viên: 750/tổng số thành viên (không tính chủ biên)	tài liệu xuất bản bên ngoài sẽ do Ban giám hiệu xem xét từng trường hợp. - Đối với việc tái bản, số giờ quy đổi được tính theo tỷ lệ % điểm mới của tài liệu theo đánh giá của Hội đồng nghiệm thu.
2.3.	Giáo trình		Chủ biên: 750 Các thành viên: 500 /tổng số thành viên (không tính chủ biên)	
2.4	Sách tham khảo, sách hướng dẫn		Chủ biên: 500 Các thành viên: 350/ tổng số thành viên (không tính chủ biên)	
2.5	Tập bài giảng đối với môn chưa có giáo trình		Chủ biên: 375 Các thành viên: 250/tổng số thành viên (không tính chủ biên)	
3	Đăng bài trên tạp chí khoa học chuyên ngành	01 Bài		
3.1	Bài báo đăng trên tạp chí có giấy phép xuất bản, nhưng không nằm trong danh sách tạp chí chuyên ngành của Hội đồng xét chức danh giáo sư nhà nước		250	
3.2.	Bài đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được tính điểm của Hội đồng xét chức danh giáo sư nhà nước			Đối với các bài báo do nhiều tác giả viết thì số giờ quy đổi được chia đều cho các đồng tác giả.
	Bài trên các tạp chí chuyên ngành được chấm điểm từ 0 -0.5 điểm		500	
	Bài trên các tạp chí chuyên ngành được chấm điểm từ 0 -1.0		750	

	điểm			
3.3	Bài đăng trên tạp chí quốc tế			
	Bài đăng trên tạp chí quốc tế không có điểm IF hoặc điểm IF dưới 0.4		500	
	Bài đăng trên tạp chí quốc tế có điểm IF từ trên 0.4		1000	
	Bài trên tạp chí quốc tế ISI		3000	
4	Báo cáo khoa học tại các seminar cấp bộ môn trở lên.	01 Bài		
4.1	Báo cáo khoa học tại các seminar cấp bộ môn, Khoa		50	
4.2	Báo cáo khoa học tại các seminar cấp trường trở lên		100	
5	Bài đăng trên kỷ yếu khoa học các cấp	01 Bài		
5.1	Bài đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp Khoa		100	
5.2	Bài đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp Trường		150	
5.3	Bài đăng trên kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp TP		250	
5.4	Bài đăng trên kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo quốc tế		300	

6	Hướng dẫn sinh viên NCKH	Đề tài		
6.1.	Các đề tài nộp giải thưởng Nhà nghiên cứu Kinh tế - Luật trẻ		100	Chỉ tính điểm trên đề tài hoàn thành. Nếu đề tài được hướng dẫn bởi nhiều người thì số giờ quy đổi được chia đều cho số người hướng dẫn.
6.2	Các đề đạt yêu cầu tham gia giải thưởng Nhà nghiên cứu Kinh tế - Luật trẻ		Thưởng thêm 50 giờ	
6.3	Đạt giải nhất, nhì, ba giải thưởng Nhà nghiên cứu Kinh tế - Luật trẻ		Thưởng thêm 50 giờ	
6.4	Đạt giải nhất, nhì, ba giải thưởng Euréka		Thưởng thêm 100 giờ	
6.5	Đạt giải nhất, nhì, ba giải thưởng cấp bộ hoặc tương đương		Thưởng thêm 200 giờ	
7	Viết các tình huống nghiên cứu	01 Tình huống		
7.1	Tình huống nghiên cứu được xuất bản trên các tạp chí hoặc nhà xuất bản quốc tế có uy tín		1000	
7.2	Tình huống nghiên cứu được hội đồng khoa học Trường thông qua		300	
7.3	Tình huống nghiên cứu được hội đồng khoa học Khoa thông qua		50	Trong 01 năm, tối đa 01 giảng viên không quá 150 giờ
8	Hoạt động chuyển giao công nghệ			
8.1	Doanh thu từ 10 - 50 triệu		100	
8.2	Doanh thu từ 51 -100 triệu		200	

8.3	Doanh thu từ 101-200 triệu		300	
8.4	Doanh thu trên 200 triệu		400	
9.	Số giờ hoạt động NCKH tương ứng với các hoạt động khác sau đây sẽ được khoa/Bộ môn đề xuất và Phòng SĐH & QLKH tham mưu cho Ban Giám Hiệu xem xét từng trường hợp cụ thể hàng năm: - Tư vấn về kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của giảng viên. - Phổ biến kiến thức khoa học phục vụ đời sống. - Tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH. - Tham gia viết các case study - Tham gia Ban chuyên môn các cuộc thi học thuật và các hoạt động khoa học khác. - Biên dịch, phiên dịch phục vụ hội thảo khoa học quốc tế, huấn luyện sinh viên/giảng viên - CBVC thi đấu thể thao đạt giải các cấp, ... - Các hoạt động khác.			Mỗi hoạt động trên có số giờ quy đổi không quá 50 giờ.

Điều 8. Kế hoạch hoạt động NCKH trong năm học

1. Thời gian tính hoạt động NCKH

Kế hoạch những hoạt động NCKH trong 1 năm học theo quy định của Trường.

Được tính từ mốc thời gian 30/6 năm trước đến 01/7 năm sau.

2. Quy trình và thủ tục kế hoạch các hoạt động NCKH

Sau khi hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học, cán bộ, giảng viên có trách nhiệm cập nhật vào lý lịch khoa học đăng lên website của Trường vào 2 đợt, trước ngày 30/06 và ngày 30/12 hàng năm.

Phòng Sau đại học và Quản lý khoa học sẽ tổng hợp kết quả kế hoạch các hoạt động NCKH từ lý lịch khoa học của giảng viên. Nếu giảng viên không cập nhật lý lịch khoa học theo đúng định kỳ quy định của trường thì coi như không có các kết quả nghiên cứu khoa học trong năm.

Phòng Sau đại học và Quản lý khoa học có trách nhiệm kiểm tra các minh chứng kết quả nghiên cứu khoa học khi cần thiết.

Quy định, yêu cầu, nội dung kế hoạch các hạng mục NCKH như sau:

- Đề tài NCKH các cấp:

+ Đối với các đề tài NCKH thuộc sự quản lý của Trường Đại học Kinh tế - Luật, việc kê khai do phòng Sau đại học và Quản lý khoa học tổng hợp báo cáo.

+ Đối với các đề tài NCKH bên ngoài Trường: cán bộ, giảng viên có nghĩa vụ kê khai kèm theo bản sao thuyết minh, đăng kí, hợp đồng, biên bản nghiệm thu.

- Sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo, sách hướng dẫn, tập bài giảng: Tác giả kê khai theo mẫu do phòng Sau đại học và Quản lý khoa học cung cấp, kèm theo bản sao bìa của sách, giáo trình (bản chụp hoặc photo), xác nhận của đơn vị phụ trách xuất bản giáo trình của Trường.

- Bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế: Tác giả kê khai theo mẫu biểu do Phòng Sau đại học và Quản lý khoa học cung cấp, kèm theo tập tin văn bản và bản sao bài viết (bản chụp hoặc photo). Trường hợp có nhiều tác giả thì cử một đại diện kê khai.

- Bài tham luận, hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế, báo cáo khoa học tại các seminar cấp bộ môn trở lên : Tác giả kê khai theo mẫu do Phòng Sau đại học và Quản lý khoa học cung cấp, kèm theo tập tin văn bản và bản sao bài viết (chụp hoặc photo). Trường hợp có nhiều tác giả thì cử một đại diện kê khai.

- Hướng dẫn sinh viên NCKH: Có quyết định của Ban Giám hiệu về việc phân công cán bộ, giảng viên hướng dẫn sinh viên NCKH, đồng thời có xác nhận sinh viên đã hoàn thành đề tài của Phòng Sau đại học và Quản lý khoa học, minh chứng các giải thưởng.

- Viết tình huống nghiên cứu: Tác giả nộp tình huống và các minh chứng kèm theo.

- Hoạt động chuyển giao công nghệ: hợp đồng và thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Điều 9. Hội đồng đánh giá về hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên.

Sau khi tổng hợp các hoạt động nghiên cứu khoa học của các cán bộ, giảng viên Phòng Sau đại học và Quản lý khoa học tư vấn Ban Giám hiệu thành lập Hội đồng đánh giá về mức độ hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên.

Cơ cấu hội đồng gồm có ít nhất 7 thành viên trong đó có thành viên Ban Giám hiệu, chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, đại diện Phòng Sau đại học và Quản lý khoa học và một số cán bộ khoa học.

Căn cứ báo cáo của Phòng Sau đại học và Quản lý khoa học, Hội đồng xem xét đánh giá cán bộ, giảng viên về hoạt động nghiên cứu khoa học theo tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành nhiệm vụ NCKH: khi tổng số giờ quy đổi bằng hoặc vượt mức giờ đã quy định tại Điều 5 của Quy định này.

2. Không hoàn thành nhiệm vụ NCKH: khi tổng số giờ quy đổi không đạt mức giờ đã quy định tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 10. Chuyển đổi giờ NCKH và giờ giảng dạy

1. Cứ 1 giờ chuẩn giảng dạy được tính bằng 3.5 giờ nghiên cứu khoa học. Số giờ NCKH vượt định mức trong năm học của giảng viên sẽ được chuyển tiếp sang năm học tiếp theo nhưng không tính vào hiệu quả công việc và thi đua khen thưởng trong năm kế tiếp.

2. Trong trường hợp giảng viên không hoàn thành nghĩa vụ NCKH thì số giờ không hoàn thành được bù bằng số giờ chuẩn giảng dạy vượt định mức theo nguyên tắc quy đổi tại Khoản 1 Điều này.

3. Việc quy đổi được áp dụng trong trường hợp phải huy động những giảng viên có đủ năng lực và các điều kiện làm công tác NCKH; hoặc các giảng viên không thực hiện nhiệm vụ NCKH, phải chuyển sang trực tiếp giảng dạy trên lớp theo quyết định của Hiệu trưởng.

Chương 3

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 11. Căn cứ để xét khen thưởng và kỷ luật

Kết quả của Hội đồng đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ là cơ sở để Hội đồng Thi đua khen thưởng Trường xem xét các hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với các giảng viên về hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

1. Khen thưởng

Số giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên trong năm là một trong những căn cứ đánh giá, xếp loại giảng viên hàng năm.

Trường có chế độ khen thưởng đối với giảng viên hoàn thành vượt định mức giờ NCKH. Các giảng viên hoàn thành xuất sắc hoạt động NCKH sẽ được đề nghị khen thưởng ở cấp Trường và các cấp cao hơn.

Trường có cơ chế đề xuất tính vào thu nhập tăng thêm đối với giảng viên hoàn thành vượt định mức giờ NCKH.

Trường có chế độ khen thưởng đối với các chuyên viên, cán bộ quản lý ngạch chuyên viên có thành tích nghiên cứu khoa học cao.

2. Kỷ luật

Đối với giảng viên không hoàn thành định mức giờ NCKH theo quy định tại khoản 1 Điều 5 thì tùy theo mức độ, hoàn cảnh cụ thể để đánh giá hiệu quả công việc trong năm, xếp loại giảng viên.

Nếu giảng viên không hoàn thành nghĩa vụ NCKH thì số giờ giảng vượt định mức sẽ bị khấu trừ tương ứng với số giờ NCKH còn thiếu theo nguyên tắc quy định tại Khoản 1, Điều 10. Trong trường hợp số giờ NCKH bị trừ lớn hơn số giờ giảng dạy vượt định mức thì sẽ có nghĩa vụ nộp tiền cho số giờ còn thiếu theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Đối với giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong 2 năm liên tiếp, Hiệu trưởng sẽ xem xét các hình thức kỷ luật khác theo quy định.

Chương 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Điều khoản sửa đổi, bổ sung

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật quyết định sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Quy định này phù hợp với yêu cầu cụ thể.

Các hoạt động NCKH khác chưa được Quy định này điều chỉnh thì áp dụng những quy định khác của Nhà nước.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Quy định này được áp dụng đối với các giảng viên cơ hữu Trường Đại học Kinh tế - Luật từ năm học 2014-2015. Các quy định trước đây trái với các điều khoản của Quy định này đều bị bãi bỏ. 



PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng